

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Từ: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	08/03/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	3,700	10.29%
2	AGR	100	0.09%
3	BID	300	1.60%
4	BMI	100	0.30%
5	BSI	100	0.20%
6	BVH	100	0.55%
7	CTG	900	2.96%
8	CTS	100	0.15%
9	EIB	1,500	3.32%
10	FTS	100	0.21%
11	HCM	300	0.82%
12	HDB	2,300	4.83%
13	LPB	1,900	3.09%
14	MBB	3,300	6.52%
15	MIG	100	0.16%
16	MSB	2,100	2.91%
17	OCB	1,000	1.82%
18	ORS	300	0.32%
19	SHB	3,200	3.62%
20	SSB	1,800	6.62%
21	SSI	1,400	3.08%
22	STB	2,500	7.09%
23	TCB	3,000	9.23%
24	TPB	1,200	3.20%
25	VCB	700	7.30%
26	VCI	400	1.22%
27	VDS	100	0.08%
28	VIB	1,400	3.27%
29	VIX	800	0.62%
30	VND	1,200	1.93%
31	VPB	6,100	12.04%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	4,975,492	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ <i>Spread between a basket and 1 lot of ETF in value</i>	
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket value: (VND)</i>	876,233,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF: (VND)</i>	881,208,492
- Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value: (VND)</i>	4,975,492

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	24,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	46,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	17,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	48,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	LPB	14,350	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	17,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	12,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	OCB	16,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	27,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TPB	23,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	VCB	91,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
12	VCI	26,900	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
13	VIB	20,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
14	VPB	17,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	08/03/2023	07/03/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	8,700.00	8,760.00	(60)



Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*) 08/03/2023	Kỳ trước/ Last period (**) 07/03/2023	Chênh lệch/ Difference
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	67,853,053,893	67,040,046,737	813,007,156
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	881,208,492	870,649,957	10,558,535
của 1 CCQ/ per Share	8,812.08	8,706.49	105.59
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,586.88	1,559.87	27.01

(*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 7/03/2023 / Item 5 is net asset value at 7/03/2023

(**) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 6/03/2023 / Item 5 is net asset value at 6/03/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

